

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2023

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị: đồng

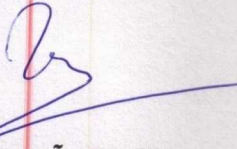
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý 2	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	100.000.000	35.024.000	35%	
1.1	Phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản	100.000.000	35.024.000	35%	
2	Số phí, lệ phí nộp NSNN	100.000.000	35.024.000	35%	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Quản lý hành chính (KP tự chủ: 341-13)	4.228.122.908	1.987.839.027	47%	
2	Kinh phí cải cách tiền lương (341-14)	6.453.549	-	0%	
3	Quản lý hành chính (KP không tự chủ: 341-12)	832.000.000	-	0%	
3.1	Mua trang phục thanh tra	11.000.000		0%	
3.2	Triển khai kế hoạch ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	821.000.000		0%	
4	Sự nghiệp kinh tế (314-12)	5.679.000.000	30.130.000	1%	
4.1	Hoạt động của đội kiểm tra liên ngành phòng chống in lậu	26.000.000		0%	
4.2	Bản tin báo chí viết về tỉnh Gia Lai hàng	59.000.000	29.500.000	50,0%	
4.3	Kinh phí tổ chức lễ phát động cuộc thi viết thư quốc tế UPU	8.000.000		0%	
4.4	Hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai	62.000.000	300.000	0,5%	
4.5	Thuê dịch vụ Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính	3.139.000.000	330.000	0,01%	
4.6	Mua sắm phần mềm Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh	2.385.000.000		0%	
5	Sự nghiệp Văn hóa thông tin	392.000.000	73.451.574	19%	
5.1	Chi quản lý hoạt động thông tin đối ngoại	315.000.000	49.851.574	16%	
5.2	Chi quản lý hoạt động in, xuất bản, phát hành (Kiểm tra, thẩm định xuất bản phẩm lưu chiếu)	18.000.000		0%	
5.3	Tổ chức Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt	59.000.000	23.600.000	40%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý 2	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6	Hỗ trợ Tết nguyên đán 2023	8.400.000	8.400.000	100%	
7	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023 (103-12)	1.000.000.000		0%	
8	Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, Tiểu dự án 3, dự án 10 (Mã CTMTQG 00521, khoản 338, nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu)	48.000.000		0%	
9	Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, Tiểu dự án 3, dự án 10 (Mã CTMTQG 00521, khoản 338, nguồn Sự nghiệp kinh tế năm 2023)	3.000.000		0%	
10	Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, Tiểu dự án 3, dự án 10 (Mã CTMTQG 00521, khoản 338, nguồn dự phòng ngân sách năm 2022)	1.000.000		0%	
11	Chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững - Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (Mã CTMTQG 00477, khoản 341, nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2023)	55.000.000		0%	
12	Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững - Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (Mã CTMTQG 00477, khoản 338, nguồn sự nghiệp kinh tế)	8.000.000		0%	
13	Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững - Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (Mã CTMTQG 00477, khoản 098, nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2022)	27.000.000		0%	
14	Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, Tiểu dự án 1, dự án 10 (Mã CTMTQG 00521, khoản 171, nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2022)	54.157.042		0%	
15	Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, Tiểu dự án 1, dự án 10 (Mã CTMTQG 00521, khoản 171, nguồn dự phòng ngân sách năm 2022)	14.000.000		0%	
16	Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, Tiểu dự án 2, dự án 10 (Mã CTMTQG 00521, khoản 171, nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu)	51.000.000		0%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý 2	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
17	Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, Tiểu dự án 1, dự án 10 (Mã CTMTQG 00521, khoản 338, nguồn sự nghiệp kinh tế năm 2023)	40.000.000		0%	
18	Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, Tiểu dự án 1, dự án 10 (Mã CTMTQG 00521, khoản 171, nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2023)	512.000.000		0%	
19	Chương trình mục tiêu Xây dựng nông thôn mới - Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng nông thôn mới (Mã CTMTQG 000498, khoản 341, nguồn ngân sách Trung ương)	25.000.000		0%	

Gia Lai, ngày 10 tháng 7 năm 2023

Phụ trách kế toán


Trần Nguyễn Tú Chi

Thủ trưởng đơn vị


Nguyễn Ngọc Hùng